

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ VÀ KINH DOANH THỰC PHẨM

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
ML01023: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(THE HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY)

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 5
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 2 – Thực hành 0 - Tự học 4)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập  
+ Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Khoa học chính Trị
  - Khoa: Khoa học Xã hội
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành ... <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh  Tiếng Việt

**II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần**

\* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
<b>Kiến thức chung</b>	
CDR1: Áp dụng tri thức của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội & nhân văn trong đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.	1.2. . Áp kiến thức khoa học xã hội & nhân văn để giải quyết vấn đề trong đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
<b>Kỹ năng chung</b>	
CDR6: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hoá một cách hiệu quả; Có năng lực ngoại ngữ đạt trình độ B1 theo quy định của Bộ GDĐT	6.1. Vận dụng linh hoạt giao tiếp đa phương tiện trong các hoạt động nghề nghiệp
CDR7: Làm việc nhóm đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay người trưởng nhóm.	7.2. Chủ động giải quyết các vấn đề trong tổ chức, triển khai công việc.

<b>Chuẩn đầu ra</b> Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	<b>Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra</b>
CDR8: Sử dụng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh thực phẩm một cách hiệu quả.	8.1. Sử dụng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề nghiên cứu trong công nghệ thực phẩm
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
CDR13: Thể hiện tinh thần khởi nghiệp và có động cơ học tập suốt đời.	13.2. Thể hiện động cơ học tập suốt đời
CDR14: Thể hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy định và luật về sản xuất và <u>kinh doanh</u> thực phẩm.	14.1. Thể hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp

\* **Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến nay và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá, vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tạo niềm tin của người học đối với sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt.

\* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

*I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT					
	1.2	6.1	7.2	8.1	13.2	14.1
Lịch sử ĐCSVN	R	I	P	I	P	P

<b>Kí hiệu</b>	<b>KQHTMĐ của học phần</b> <b>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được</b>	<b>CDR của CTĐT</b>
<b>Kiến thức</b>		
K1	Mô tả sự ra đời và phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay	1.2
K2	Đánh giá đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay và các bài học kinh nghiệm lớn của Đảng.	1.2
<b>Kỹ năng</b>		
K3	Xác định cơ sở hình thành các chủ trương, đường lối của Đảng và các bài học kinh nghiệm của Đảng trong các giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước.	6.1 7.2 8.1

K4	Vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn và phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng	6.1 7.2 8.1
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
K5	Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tạo niềm tin của người học đối với sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt.	13.2 14.1

### III. Nội dung tóm tắt của học phần

ML01023. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (The history of Vietnamese communist party) (2TC: 2-0-4).

Học phần trình bày các vấn đề: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2021); Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.

### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

#### 1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

<b>KQHTMD</b> <b>PPGD</b>	<b>K1</b>	<b>K2</b>	<b>K3</b>	<b>K4</b>	<b>K5</b>
Thuyết trình	X	X	X		
Nêu vấn đề	X	X	X	x	x
Phát vấn		X	X	x	x
Đóng vai		X		x	X
Làm việc nhóm		X	X	x	x

#### 2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng
- Nghiên cứu tài liệu
- Trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận

### V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp đủ số tiết theo quy định, chấp hành đúng nội quy học tập
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.
- Thi giữa kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thi giữa kì theo quy định
- Thi cuối kì: Để hoàn thành học phần, tất cả sinh viên phải thi cuối kì theo quy định

### VI. Đánh giá và cho điểm

#### 1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

#### 3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
<b>Đánh giá quá trình</b>			
Rubric 1: Tham dự lớp	K1, K2	20	Tuần 1- tuần 6
Rubric 2: Thi giữa kỳ	K1, K2, K3, K4, K5	30	Tuần 5
<b>Đánh giá cuối kì</b>			
Rubric 3: Thi cuối kì	K1, K2, K3, K4, K5,	50	Theo kế hoạch của BQLĐT

### Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 – 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 – 3.9 điểm (F)
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Nghỉ ≤ 01 buổi học có phép	Nghỉ 02 buổi học có phép	Nghỉ 02 buổi học không phép	Nghỉ > 02 buổi học không phép

### Rubric 2: Đánh giá thi giữa kỳ

**Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần**

#### Thi giữa kỳ - Thi tự luận

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1: Mô tả sự ra đời và phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay	Chỉ báo 1: Phân tích quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam Chỉ báo 2: Phân tích đường lối đấu tranh giành chính quyền ( 1930-1945) Chỉ báo 3: Phân tích đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ của Đảng Chỉ báo 3: Phân tích đường lối xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội của Đảng từ 1975 đến nay
	Chỉ báo 4: Phân tích Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng Chỉ báo 5: Phân tích ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Chỉ báo 6: Phân tích ý nghĩa những và bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam trong thời kì đổi mới.
K2: Đánh giá đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay và các bài học kinh nghiệm lớn của Đảng.	

<p>K3: Xác định cơ sở hình thành các chủ trương, đường lối của Đảng và các bài học kinh nghiệm của Đảng trong các giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước</p>	<p>Chỉ báo 7: Làm rõ cơ sở hình thành chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn 1939-1941          Chỉ báo 8: Giải thích tại sao Đảng lại chủ trương phát động toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946          Chỉ báo 9: Phân tích cơ sở hình thành đường lối kháng chiến chống ĐQ Mỹ xâm lược trong cả nước</p>
<p>K4: Vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn và phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng</p>	<p>Chỉ báo 10: Phân tích hạn chế và nguyên nhân hạn chế của Luận cương chính trị          Chỉ báo 11: Phân tích và làm rõ quá trình phát triển nhận thức của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến 1975</p>
<p>K5: Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tạo niềm tin của người học đối với sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt.</p>	<p>Chỉ báo 12: Trình bày nhận thức về ý nghĩa lịch sử những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến 1945          Chỉ báo 13: Trình bày sự vận dụng kinh nghiệm lịch sử vào thực tiễn cuộc sống khi tìm hiểu về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930- 1945</p>

***Thi cuối kỳ - Thi trắc nghiệm***

<p><b>KQHTMD</b></p>	<p><b>Chỉ báo thực hiện KQHTMD</b></p>
<p>K1: Mô tả sự ra đời và phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay</p>	<p>Chỉ báo 1: Phân tích quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam          Chỉ báo 2: Phân tích đường lối đấu tranh giành chính quyền ( 1930- 1945), đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ của Đảng          Chỉ báo 3: Phân tích đường lối xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội của Đảng từ 1975 đến 2021          Chỉ báo 4: Phân tích Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng</p>

<p>K2: Đánh giá đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay và các bài học kinh nghiệm lớn của Đảng.</p>	<p>Chỉ báo 5: Phân tích ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược. Chỉ báo 6: Phân tích bài học kinh nghiệm của thời kì đổi mới</p>
<p>K3: Xác định cơ sở hình thành các chủ trương, đường lối của Đảng và các bài học kinh nghiệm của Đảng trong các giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước</p>	<p>Chỉ báo 7: Phân tích cơ sở hình thành đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp Chỉ báo 8: Phân tích cơ sở hình thành đường lối kháng chiến chống ĐQ Mỹ xâm lược trong cả nước Chỉ báo 9: Làm rõ cơ sở hình thành đường lối đổi mới của Đảng được xác định từ 1986 đến nay</p>
<p>K4: Vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn và phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng</p>	<p>Chỉ báo 10: Phân tích hạn chế và nguyên nhân hạn chế của Luận cương chính trị Chỉ báo 11: Phân tích và làm rõ quá trình phát triển nhận thức của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến 1975 Chỉ báo 12: Phân tích những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay</p>
<p>K5: Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tạo niềm tin của người học đối với sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt</p>	<p>Chỉ báo 13: Trình bày nhận thức về ý nghĩa lịch sử những thắng lợi đại của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến 1945 Chỉ báo 14: Trình bày sự vận dụng kinh nghiệm lịch sử vào thực tiễn cuộc sống khi tìm hiểu về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930- 1975 Chỉ báo 15: Những kinh nghiệm vận dụng vào thực tiễn cuộc sống và học tập khi tìm hiểu về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời kì đổi mới.</p>

*Tham dự các buổi học trên lớp:* Theo quy định của Học viện.

*Tham dự các bài thi:* Không tham gia bài thi giữa kì thì không đủ điều kiện dự thi cuối kì.

*Yêu cầu về đạo đức:* Theo quy định của Học viện

## **VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

### **\* Sách giáo trình/Bài giảng:**

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*.

### **\* Tài liệu tham khảo khác**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới phần 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới phần 2*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

## **VIII. Nội dung chi tiết của học phần**

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	<b>Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam</b>	
	<b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (2 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết:</b> Đối tượng (1 tiết) Phương pháp nghiên cứu, học tập (1 tiết)	K1, K2 K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết)</b> Nhiệm vụ nghiên cứu Ý nghĩa việc học tập môn học	K6
	<b>Chương1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền 1930-1945</b>	
1,2,3	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết:</b> 1.1. Bối cảnh lịch sử (1 tiết) 1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2 tiết) 1.4. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935 (1 tiết) 2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 (2 tiết)	K1, K2 K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</b> 1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 1.5. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.6. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	K4
3,4,5	<b>Chương2 : Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</b>	
	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (7 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết:</b> 2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền 1945 – 1946 (1 tiết) 2.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950 (3 tiết) 2.5. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam- Bắc 1954-1965 (3 tiết)	K1, K2 K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 tiết)</b> 2.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến tới thắng lợi 1951-1954 2.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ 2.6. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975 2.7. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975	K4

6,7,8,9	<b>Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)</b>	
	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (12 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết:</b> 3.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 (2 tiết) 3.3. Đổi mới toàn diện đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội 1986-1996 (5 tiết) 3.4 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 – 2018 (5 tiết )	K1, K2 K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết)</b> 3.2. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 3.4. Thành tựu, kinh nghiệm công cuộc đổi mới	K4
9,10	<b>Kết luận: Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng</b>	
	<b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b> <b>Nội dung GD lý thuyết:</b> 4.1. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (0.5 tiết) 4.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1 tiết) 4.4. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (0.5 tiết) 4.7. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1 tiết)	K1, K2 K3, K4, K5
	<b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)</b> 4.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc 4.5. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân do nhân dân và vì nhân dân 4.6. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế 4.8. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế	K5

### **IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành: đảm bảo đủ chỗ ngồi cho sinh viên và cung cấp đầy đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng
- E- learning

### **X. Các lần cải tiến**

- Lần 1: 7/ 2019: Phương pháp giảng dạy
- Lần 2: 7/2020: Rubric chuyên cần
- Lần 3: 7/2021: Giáo trình
- Lần 4: 7/ 2022: Chỉ báo kết quả mong đợi của học phần
- Lần 5: /2023: Kết cấu thứ tự nội dung đề cương



**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Trần Lê Thanh**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Hà Nội, ngày tháng năm*  
**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Hà Thị Hồng Yến**

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## PHỤ LỤC

### THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

#### Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tạ Quang Giảng	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912.990.976
Email: <a href="mailto:tqgiang@vnua.edu.vn">tqgiang@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage">http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	

#### Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Hải Hà	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0906.089.508
Email: <a href="mailto:vhha@vnua.edu.vn">vhha@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage">http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	

#### Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Khánh Du	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0976.298.898
Email: <a href="mailto:tkdu@vnua.edu.vn">tkdu@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage">http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	

#### Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0978.742.945
Email: <a href="mailto:vttha@vnua.edu.vn">vttha@vnua.edu.vn</a> ; <a href="mailto:hanghai1612@gmail.com">hanghai1612@gmail.com</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage">http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage</a>

Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại

**Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Hà Thị Hồng Yên	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0985.104.022
Email: <a href="mailto:htyen@vnua.edu.vn">htyen@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage">http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	

**Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Lê Thị Dung	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0984.581.292
Email: <a href="mailto:ldung@vnua.edu.vn">ldung@vnua.edu.vn</a>	Trang web: <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage">http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage</a>
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	